

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 -7 -2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân.

2. Ông Lê Văn Ký.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt

2. ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/3/2015. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến cuối năm 2015 thì chị H bỏ nhà đi không rõ lý do, anh M đã hỏi thăm bạn bè, người thân nhưng không ai biết chị H đi đâu, làm gì, anh M cũng đã đề nghị Toà án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị H. Tuy nhiên đã hết thời hạn thông báo mà chị H vẫn không quay về địa phương. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh M đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn M khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập chị H đến Toà án để viết bản khai nhưng chị H không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của chị Hạnh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hoà giải nhưng chị H không có mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được vụ án. Chị H cũng được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến cuối năm 2015 chị H bỏ nhà đi không rõ lý do, anh M đã hỏi thăm bạn bè, người thân nhưng không ai biết chị H đi đâu, làm gì. Theo kết quả xác minh ngày 18/02/2019 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, chị Nguyễn Thị H sau khi kết hôn đã về chung sống với anh M tại xã H, được khoảng một tuần thì về sống với mẹ đẻ tại xã H. Anh M có vài lần đến khuyên vợ chồng về đoàn tụ nhưng lại xảy ra cãi vã, chửi mắng nhau. Đến cuối năm 2015 thì chị H bỏ đi khỏi địa phương, chính quyền và người thân không ai biết. Anh M cũng đã đề nghị Toà án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị H. Tuy nhiên, đã hết thời hạn thông báo mà chị H vẫn không quay về địa phương. Như vậy, giữa anh M và chị H đã có một thời gian dài không chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh M và chị H ly hôn là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh M và chị H không có con chung, nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Anh M không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000287 ngày 24/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh M, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đa ký*)

Lê Văn Hồng